

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**
Bản án số: 19/2019/DS-PT

Ngày 08 - 4 - 2019
V/v tranh chấp về nghĩa vụ thanh
toán trong hợp đồng mua bán
hàng hóa

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Bà Phạm Thị Thu Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Như - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Bùi Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2019/TLPT- DS ngày 22 tháng 01 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 45/2019/QĐ- PT ngày 06 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1973, cư trú tại: Thôn HA, xã PP, huyện ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm 1962, cư trú tại: Số 541 đường NN, khu dân cư số 2, tổ dân phố 2, thị trấn ĐP, huyện ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị Lệ H1, sinh năm 1968, cư trú tại: Số 541 đường NN, khu dân cư số 2, tổ dân phố 2, thị trấn ĐP, huyện ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1967, cư trú tại: Thôn HA, xã PP, huyện ĐP, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Ông Nguyễn Bá D, sinh năm 1966

4. Bà Đỗ Thị Bích T1, sinh năm 1967

Cùng cư trú tại: Thôn Phú Long, xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Lệ H1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2018, bản tự khai ngày 06/8/2018, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Ngày 28/12/2013, ông Nguyễn H và bà có hợp đồng bằng lời nói là ông H đầu tư 80.000.000 đồng mua 1000 con vịt để cho ông Nguyễn Bá D nuôi lấy trứng, ông D giao trứng cho ông H để ấp; bà giao cám cho ông D và ông H là người trả toàn bộ tiền cám cho bà theo hình thức gói đầu, cho nợ 2 tấn cám trị giá 20.000.000 đồng. Bà giao cám cho ông D bao nhiêu thì ông H trả tiền cho bà bấy nhiêu. Thời gian đầu ông H điện thoại cho bà, bà cho xe ô tô tải chở cám vào cho ông D, sau đó bà và ông H thống nhất khi nào ông D gọi điện thì bà chở cám vào trại cho ông D, bà báo số lượng cám và số tiền cho ông H để ông H tính tiền với bà. Trong mấy tháng đầu, ông H thực hiện đúng thỏa thuận theo hợp đồng, sau đó thì ông H không thực hiện. Đến ngày 16/7/2015, số tiền ông H nợ bà lên đến 203.500.000 đồng nên bà không giao cám cho ông D nữa, bà đòi nợ thì ông H có trả cho bà nhiều lần. Đến ngày 28/8/2015, số tiền ông H nợ bà là 172.500.000 đồng; bà vào gặp ông H, thì ông H viết vào sổ nợ của bà, ông H đồng ý sẽ trả nợ và sau đó ông H tiếp tục trả nợ cho bà. Đến ngày 23/5/2017, số tiền cám ông H còn nợ bà là 121.500.000 đồng, bà đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông H vẫn không trả. Nay, bà yêu cầu ông Nguyễn H cùng vợ là bà Huỳnh Thị Lệ H1 phải trả nợ số tiền 121.500.000 đồng, bà rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông H và bà H1 trả cho bà 14.175.000 đồng tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 09/8/2018, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn H trình bày: Ông có mở lò ấp trứng vịt, ông giới thiệu bà M với ông D để bà M chở cám cho vịt ông D ăn. Ông là người lấy trứng của ông D và chịu trách nhiệm trả tiền cám cho bà M. Thời gian đầu ông trực tiếp điện thoại cho bà M chở cám vào trại nuôi vịt của ông D, sau đó một thời gian thì ông D tự liên lạc với bà M, nhưng việc chốt sổ tính tiền cám thì chỉ có ông với bà M. Đối với việc tính tiền trứng với ông D thì ông và ông D lập sổ riêng, sổ này ông giữ, ông D cũng tự ghi và giữ một sổ. Thời điểm chốt nợ với bà M tại nhà ông D thì số tiền nợ là 172.500.000 đồng, dòng chữ ghi trong sổ bà M là chữ của ông, sau khi chốt nợ ông đã trả tiền cho bà M nhiều lần và hiện nay còn nợ 121.500.000 đồng. Cách đây một thời gian, tại nhà ông bà M có gọi điện cho ông D, ông D nói với bà M 01 năm trả 10.000.000 đồng, bà M không đồng ý, nên mới khởi kiện; sự việc này ông không có chứng cứ chứng minh. Số tiền sau khi chốt sổ thì ông D còn nợ ông là 121.535.500 đồng tương đương với số tiền chốt sổ cám ông còn nợ bà M là 121.500.000 đồng, nên ông D phải trực

tiếp trả tiền cho bà M, ông D không phải trả tiền cho vợ chồng ông. Vợ chồng ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà M.

Tại bản tự khai ngày ngày 21/8/2018, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Lệ H1 trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn H, bà thống nhất với ý kiến trình bày của ông H.

Tại bản tự khai ngày 06/8/2018, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Bá D trình bày: Ông làm nghề nuôi vịt đẻ lấy trứng, ông có quen biết và có bán trứng vịt cho ông Nguyễn H là chủ lò ấp trứng, trước đây ông nuôi 400 con vịt đẻ, ăn cám tại đại lý cám Tuyết Thanh, ông H lấy trứng thấy ít quá nên ông H nói với ông sẽ đầu tư cho ông mua 1.000 con vịt với số tiền 90.000.000 đồng, ông H và ông có thỏa thuận bằng lời nói ông H sẽ lấy cám tại đại lý cám của bà Nguyễn Thị M để đổ cho vịt của ông ăn, ông H lấy trứng của ông để trừ tiền cám; ông H sẽ chịu trách nhiệm trả toàn bộ tiền cám cho bà M. Việc giao nhận cám do xe ô tô tải chở đến trại nuôi vịt của ông, ông có ký sổ hay không ông không nhớ, ông cũng chưa gặp mặt bà M. Về số lượng, giá cả tiền cám bao nhiêu thì giữa ông H và bà M tính với nhau, ông không biết. Quá trình nuôi vịt do thua lỗ, nên ông còn nợ tiền trứng phải giao cho ông H là 121.535.500 đồng, số tiền này được tính dựa trên số cám vịt đã ăn, hiện số tiền này ông chưa trả cho ông H; còn việc ông H nợ tiền cám của bà M bao nhiêu thì ông không biết; cách đây 4 tháng, bà M vào nhà ông, bảo ông điện thoại cho ông H để tính tiền nợ, sau khi nói chuyện ông H thừa nhận khoản nợ tiền cám của bà M, ông H chịu trách nhiệm trả nợ cho bà M và ông H có ký vào sổ của bà M. Đối với khoản tiền ông nợ ông H 121.535.500 đồng, vợ chồng ông sẽ có trách nhiệm trả cho ông H.

Tại bản tự khai ngày 21/9/2018, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị Bích T1 trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Bá D, bà thống nhất với ý kiến của ông D.

Tại đơn trình bày ngày 04/9/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình T trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị M, ông là người đứng tên tại giấy đăng kinh doanh hộ kinh doanh cá thể, nhưng mọi giao dịch là do vợ ông thực hiện. Nay, ông yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn H, bà Huỳnh Thị Lệ H1 phải trả cho vợ chồng ông số tiền nợ 121.500.000 đồng, ông không yêu cầu trả lãi.

Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M. Buộc ông Nguyễn H và bà Huỳnh Thị Lệ H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Đình T số tiền là 121.500.000 đồng.

2. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn H, bà Huỳnh Thị Lệ H1 trả 14.175.000 đồng tiền lãi.

Ngoài ra bản án còn giải quyết về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/11/2018 và 06/12/2018, bị đơn ông Nguyễn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Lệ H1 có đơn kháng cáo và kháng cáo bổ sung với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Buộc ông Nguyễn Bá D phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 121.500.000 đồng và xem xét lại toàn bộ vụ án vì bản án tuyên trái với quy định của pháp luật và vi phạm thủ tục tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Đơn kháng cáo của ông H, bà H1 làm trong thời hạn luật định là hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông H thừa nhận ông có tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nên kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng là không đúng.

Căn cứ nội dung nhận nợ ông H ghi trong sổ của bà M và lời thừa nhận của ông H, bà H1 còn nợ bà M 121.500.000 đồng tiền mua cám, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Việc nguyên đơn không giao tài liệu, chứng cứ cho bị đơn khi khởi kiện là vi phạm nghĩa vụ của nguyên đơn, tuy nhiên ngày 21/9/2018 Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (Bút lục 82) có sự tham gia của các đương sự, nên bị đơn đã được tiếp cận các chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Vì vậy, cấp sơ thẩm không vi phạm thủ tục tố tụng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận có việc thỏa thuận miệng giữa bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn H và ông Nguyễn Bá D, nội dung thỏa thuận: Bà M chở cám giao cho ông D để nuôi vịt, ông H là người lấy trứng vịt của ông D và chịu trách nhiệm trả tiền cám cho bà M; ông H, bà H1 thống nhất hiện nay số tiền cám còn nợ của ông T, bà M là 121.500.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông H, bà H1 trình bày số tiền trứng ông D, bà T1 còn nợ ông H, bà H1 là 121.535.500 đồng, tương đương với số tiền cám ông H, bà H1 còn nợ ông T, bà M nên yêu cầu buộc ông D, bà T1 trực tiếp trả nợ cho ông T, bà M, yêu cầu chuyển giao nghĩa vụ trả nợ này của ông H, bà H1 không được ông T, bà M là người có quyền đồng ý nên không đủ điều kiện chuyển giao nghĩa vụ theo quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H, bà H1 trả tiền mua cám còn nợ cho ông T, bà M là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Cấp sơ thẩm giải quyết về án phí dân sự sơ thẩm đúng pháp luật, được giữ nguyên.

[4] Về chi phí giám định tại cấp phúc thẩm: Ông H trình bày dòng chữ “*H nợ M 1.72500.000đ*” trong tờ giấy vớ do bà M giao nộp (Bút lục 29) không phải ông H viết và yêu cầu giám định. Kết luận giám định số 332/KLGD-PC09 ngày 04/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận phần nội dung “*H nợ M 1.72500.000đ*” và các chữ viết khác ông H thừa nhận do mình viết trên tờ giấy này do cùng một người viết ra. Vì vậy, ông H phải chịu 2.500.000 đồng chi phí giám định là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông H, bà H1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[6] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 161, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, khoản 1 Điều 440 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Lệ H1

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

Buộc ông Nguyễn H và bà Huỳnh Thị Lệ H1 cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Đình T số tiền 121.500.000 đồng (Một trăm hai mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi, của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn H, bà Huỳnh Thị Lệ H1 trả 14.175.000 đồng (M bốn triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền lãi.

4. Ông Nguyễn H phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) chi phí giám định, ông H đã nộp xong.

5. Ông Nguyễn H và bà Huỳnh Thị Lệ H1 phải chịu 6.075.000 đồng (Sáu triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông H, bà H1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ mỗi người 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai số 0001612 và 0001613 cùng ngày 12/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 3.392.000 đồng (Ba triệu ba trăm chín mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001507 ngày 24/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND, VKSND huyện Đức Phổ;
- Chi cục THADS huyện Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu Toà Dân sự, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Mỹ Giang

TÒA CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

Phạm Thị Thu Phương Trịnh Thị Thu Lan Lê Thị Mỹ Giang

